

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành mã định danh các cơ quan, đơn vị thuộc,
trực thuộc UBND tỉnh Nam Định tham gia trao đổi văn bản điện tử
thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01/04/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 239/TTr-STTTT ngày 08/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mã định danh các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND tỉnh Nam Định tham gia trao đổi văn bản điện tử thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành như sau:

1. Mã định danh của đơn vị cấp 1: Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định: 000.00.00.H40 (theo quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BTTTT ngày 01/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

2. Mã định danh của các đơn vị cấp 2: Gồm các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục I).

3. Mã định danh của các đơn vị cấp 3: Gồm các đơn vị cấp 3 thuộc, trực thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (Phụ lục II, III).

Điều 2. Mã định danh theo Điều 1 Quyết định này dùng để xác định (phân biệt) các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nam Định tham gia trao đổi văn bản điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành; phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung mã định danh phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

- Trong trường hợp chia tách, sáp nhập hoặc thành lập mới đơn vị trực thuộc, các cơ quan, đơn vị phải báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp mã định danh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CPVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT của tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Bạch Ngọc Chiến



Phụ lục I

**DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH CỦA CÁC ĐƠN VỊ CẤP 2
THUỘC, TRỰC THUỘC UBND TỈNH NAM ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số: 999/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Nam Định)

CHÚ THÍCH: Các cơ quan, đơn vị được sắp xếp theo thứ tự trong bảng chữ cái theo từng nhóm cơ quan và mã định danh được quy định tương ứng.

Stt	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Các Sở, ngành tỉnh	
1.1	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	000.00.01.H40
1.2	Sở Công thương	000.00.02.H40
1.3	Sở Giáo dục và Đào tạo	000.00.03.H40
1.4	Sở Giao thông - Vận tải	000.00.04.H40
1.5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	000.00.05.H40
1.6	Sở Khoa học và Công nghệ	000.00.06.H40
1.7	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	000.00.07.H40
1.8	Sở Nội vụ	000.00.08.H40
1.9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	000.00.09.H40
1.10	Sở Tài chính	000.00.10.H40
1.11	Sở Tài nguyên và Môi trường	000.00.11.H40
1.12	Sở Thông tin và Truyền thông	000.00.12.H40
1.13	Sở Tư pháp	000.00.13.H40
1.14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	000.00.14.H40
1.15	Sở Xây dựng	000.00.15.H40
1.16	Sở Y tế	000.00.16.H40
1.17	Thanh tra tỉnh	000.00.17.H40
1.18	Văn phòng UBND tỉnh	000.00.18.H40
2	UBND các huyện, thành phố	
2.1	UBND Huyện Giao Thủy	000.00.19.H40
2.2	UBND Huyện Hải Hậu	000.00.20.H40
2.3	UBND Huyện Mỹ Lộc	000.00.21.H40

2.4	UBND Huyện Nam Trực	000.00.22.H40
2.5	UBND Huyện Nghĩa Hưng	000.00.23.H40
2.6	UBND Thành phố Nam Định	000.00.24.H40
2.7	UBND Huyện Trực Ninh	000.00.25.H40
2.8	UBND Huyện Vụ Bản	000.00.26.H40
2.9	UBND Huyện Xuân Trường	000.00.27.H40
2.10	UBND Huyện Ý Yên	000.00.28.H40
3	Các đơn vị khác (thuộc, trực thuộc UBND tỉnh)	
3.1	Ban An toàn giao thông tỉnh	000.00.29.H40
3.2	Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh	000.00.30.H40
3.3	Liên minh hợp tác xã tỉnh	000.00.31.H40

Ghi chú: Các mã từ 000.00.32.H40 đến 000.00.99.H40 để dự phòng.



PHỤ LỤC II

DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH CÁC ĐƠN VỊ CẤP 3 THUỘC/TRỰC THUỘC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

(Kèm theo Quyết định số : 999/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Nam Định)

Stt	Tên đơn vị	Mã định danh
1	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	
1.1	Công ty phát triển và khai thác hạ tầng KCN	000.01.01.H40
1.2	Trung tâm Tư vấn hỗ trợ đầu tư KCN	000.02.01.H40
2	Sở Công Thương	
2.1	Chi cục Quản lý thị trường	000.01.02.H40
2.2	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển CN	000.02.02.H40
2.3	Trung tâm Xúc tiến thương mại	000.03.02.H40
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	
3.1	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	000.01.03.H40
3.2	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Trần Phú	000.02.03.H40
3.3	Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp-hướng nghiệp	000.03.03.H40
3.4	Trường Cao Đẳng Sư phạm	000.04.03.H40
3.5	Trường THPT A Hải Hậu	000.05.03.H40
3.6	Trường THPT A Nghĩa Hưng	000.06.03.H40
3.7	Trường THPT An Phúc	000.07.03.H40
3.8	Trường THPT B Hải Hậu	000.08.03.H40
3.9	Trường THPT B Nghĩa Hưng	000.09.03.H40
3.10	Trường THPT C Hải Hậu	000.10.03.H40
3.11	Trường THPT C Nghĩa Hưng	000.11.03.H40
3.12	Trường THPT Cao Phong	000.12.03.H40
3.13	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	000.13.03.H40
3.14	Trường THPT Đại An	000.14.03.H40
3.15	Trường THPT Đỗ Huy Liêu	000.15.03.H40
3.16	Trường THPT Đoàn Kết	000.16.03.H40
3.17	Trường THPT Giao Thủy	000.17.03.H40
3.18	Trường THPT Giao Thủy B	000.18.03.H40

3.19	Trường THPT Giao Thủy C	000.19.03.H40
3.20	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	000.20.03.H40
3.21	Trường THPT Hùng Vương	000.21.03.H40
3.22	Trường THPT Lê Quý Đôn	000.22.03.H40
3.23	Trường THPT Lương Thế Vinh	000.23.03.H40
3.24	Trường THPT Lý Nhân Tông	000.24.03.H40
3.25	Trường THPT Lý Tự Trọng	000.25.03.H40
3.26	Trường THPT Mỹ Lộc	000.26.03.H40
3.27	Trường THPT Mỹ Tho	000.27.03.H40
3.28	Trường THPT Nam Trực	000.28.03.H40
3.29	Trường THPT Nghĩa Hưng	000.29.03.H40
3.30	Trường THPT Nghĩa Minh	000.30.03.H40
3.31	Trường THPT Ngô Quyền	000.31.03.H40
3.32	Trường THPT Nguyễn Bính	000.32.03.H40
3.33	Trường THPT Nguyễn Du	000.33.03.H40
3.34	Trường THPT Nguyễn Đức Thuận	000.34.03.H40
3.35	Trường THPT Nguyễn Huệ	000.35.03.H40
3.36	Trường THPT Nguyễn Khuyến	000.36.03.H40
3.37	Trường THPT Nguyễn Trãi	000.37.03.H40
3.38	Trường THPT Nguyễn Trường Thuý	000.38.03.H40
3.39	Trường THPT Phạm Văn Nghị	000.39.03.H40
3.40	Trường THPT Phan Bội Châu	000.40.03.H40
3.41	Trường THPT Quang Trung	000.41.03.H40
3.42	Trường THPT Quất Lâm	000.42.03.H40
3.43	Trường THPT Thiên Trường	000.43.03.H40
3.44	Trường THPT Thịnh Long	000.44.03.H40
3.45	Trường THPT Tô Hiến Thành	000.45.03.H40
3.46	Trường THPT Tống Văn Trân	000.46.03.H40
3.47	THPT Trần Hưng Đạo	000.47.03.H40
3.48	Trường THPT Trần Nhân Tông	000.48.03.H40
3.49	Trường THPT Trần Nhật Duật	000.49.03.H40
3.50	Trường THPT Trần Quang Khải	000.50.03.H40

3.51	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	000.51.03.H40
3.52	Trường THPT Trần Văn Bảo	000.52.03.H40
3.53	Trường THPT Trần Văn Lan	000.53.03.H40
3.54	Trường THPT Trục Ninh	000.54.03.H40
3.55	Trường THPT Trục Ninh B	000.55.03.H40
3.56	Trường THPT Vũ Văn Hiếu	000.56.03.H40
3.57	Trường THPT Xuân Trường	000.57.03.H40
3.58	Trường THPT Xuân Trường B	000.58.03.H40
3.59	Trường THPT Xuân Trường C	000.59.03.H40
3.60	Trường THPT Ý Yên	000.60.03.H40
3.61	Trường Tiểu học, THCS, THPT Nguyễn Công Trứ	000.61.03.H40
4	Sở Giao thông vận tải	
4.1	Ban Quản lý dự án giao thông	000.01.04.H40
4.2	Ban Quản lý dự án giao thông nông thôn 3 (WB3)	000.02.04.H40
4.3	Ban Quản lý dự án đường trục phát triển	000.03.04.H40
4.4	Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động	000.04.04.H40
4.5	Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông	000.05.04.H40
4.6	Trường Trung cấp giao thông vận tải	000.06.04.H40
5	Sở Khoa học và Công nghệ	
5.1	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	000.01.06.H40
5.2	Trung tâm Tin học và thống kê KHCN	000.02.06.H40
5.3	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN	000.03.06.H40
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
6.1	Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội	000.01.07.H40
6.2	Trường Trung cấp cơ điện	000.02.07.H40
6.3	Trường Trung cấp công nghệ và truyền thông	000.03.07.H40
6.4	Trường Trung cấp nghề kỹ thuật công nghiệp	000.04.07.H40
6.5	Trường TC nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống	000.05.07.H40
6.6	Trường TC nghề thương mại du lịch và dịch vụ	000.06.07.H40
6.7	Trung tâm Bảo trợ xã hội	000.07.07.H40
6.8	Trung tâm Dạy nghề cho trẻ khuyết tật	000.08.07.H40
6.9	Trung tâm Dịch vụ việc làm	000.09.07.H40

6.10	Trung tâm Điều trị nghiện ma túy	000.10.07.H40
6.11	Trung tâm Điều dưỡng người có công Nam Phong	000.11.07.H40
6.12	Trung tâm Điều dưỡng người có công	000.12.07.H40
3.13	Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội	000.13.07.H40
7	Sở Nội vụ	
7.1	Ban Thi đua khen thưởng	000.01.08.H40
7.2	Ban Tôn giáo	000.02.08.H40
7.3	Chi cục Văn thư lưu trữ	000.03.08.H40
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8.1	Ban quản lý Cảng cá	000.01.09.H40
8.2	Ban quản lý xây dựng Nông nghiệp và PTNT	000.02.09.H40
8.3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	000.03.09.H40
8.4	Chi cục Kiểm lâm	000.04.09.H40
8.5	Chi cục Phát triển nông thôn	000.05.09.H40
8.6	Chi cục Quản lý chất lượng NLTS	000.06.09.H40
8.7	Chi cục Thủy lợi	000.07.09.H40
8.8	Chi cục Thủy sản	000.08.09.H40
8.9	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	000.09.09.H40
8.10	Thanh tra Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	000.10.09.H40
8.11	Trung tâm Giống cây trồng	000.11.09.H40
8.12	Trung tâm Giống gia súc gia cầm	000.12.09.H40
8.13	Trung tâm Giống hải sản	000.13.09.H40
8.14	Trung tâm Giống Thủy đặc sản	000.14.09.H40
8.15	Trung tâm Khuyến nông	000.15.09.H40
8.16	Trung tâm nước SH & VSMTNT	000.16.09.H40
8.17	Trường trung cấp Kinh tế kỹ thuật nông nghiệp	000.17.09.H40
8.18	Vườn Quốc gia Xuân Thủy	000.18.09.H40
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	
9.1	Chi cục Biển	000.01.11.H40
9.2	Chi cục Bảo vệ môi trường	000.02.11.H40
9.3	Chi cục Quản lý đất đai	000.03.11.H40
9.4	Trung tâm Công nghệ Thông tin tài nguyên và MT	000.04.11.H40

9.5	Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường	000.05.11.H40
9.6	Trung tâm Phát triển quỹ đất	000.06.11.H40
9.7	Trung tâm Quan trắc và phân tích TNMT	000.07.11.H40
9.8	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	000.08.11.H40
10	Sở Thông tin và Truyền thông	
10.1	Trung tâm CNTT và Truyền thông	000.01.12.H40
11	Sở Tư pháp	
11.1	Phòng Công chứng số 1	000.01.13.H40
11.2	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản	000.02.13.H40
11.3	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	000.03.13.H40
12	Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch	
12.1	Ban quản lý Di tích và Danh thắng	000.01.14.H40
12.2	Bảo tàng tỉnh	000.02.14.H40
12.3	Đoàn Kịch nói	000.03.14.H40
12.4	Đoàn Nghệ thuật Cải lương	000.04.14.H40
12.5	Nhà hát Chèo	000.05.14.H40
12.6	Thư viện tỉnh	000.06.14.H40
12.7	Trung tâm Văn hóa 3/2	000.07.14.H40
12.8	Trung tâm phát hành phim và chiếu bóng	000.08.14.H40
12.9	Trung tâm Thông tin Triển lãm	000.09.14.H40
12.10	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu	000.10.14.H40
12.11	Trung tâm đào tạo VĐV Bóng đá	000.11.14.H40
12.12	Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch	000.12.14.H40
12.13	Trường Nghiệp vụ Thể dục thể thao	000.13.14.H40
13	Sở Xây dựng	
13.1	Ban quản lý nhà ở sinh viên tập trung	000.01.15.H40
13.2	Chi cục giám định xây dựng	000.02.15.H40
13.3	Thanh tra sở Xây dựng	000.03.15.H40
13.4	Trung tâm giám định xây dựng	000.04.15.H40
13.5	Viện Quy hoạch xây dựng	000.05.15.H40
14	Sở Y tế	
14.1	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	000.01.16.H40

14.2	Bệnh viện đa khoa	000.02.16.H40
14.3	Bệnh viện đa khoa huyện Hải Hậu	000.03.16.H40
14.4	Bệnh viện Da liễu	000.04.16.H40
14.5	Bệnh viện Mắt	000.05.16.H40
14.6	Bệnh viện Nhi	000.06.16.H40
14.7	Bệnh viện Nội tiết	000.07.16.H40
14.8	Bệnh viện Phổi	000.08.16.H40
14.9	Bệnh viện Phụ sản	000.09.16.H40
14.10	Bệnh viện Phục hồi chức năng	000.10.16.H40
14.11	Bệnh viện Tâm Thần	000.11.16.H40
14.12	Bệnh viện Y học cổ truyền	000.12.16.H40
14.13	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	000.13.16.H40
14.14	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	000.14.16.H40
14.15	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Giao Thủy	000.15.16.H40
14.16	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Hải Hậu	000.16.16.H40
14.17	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mỹ Lộc	000.17.16.H40
14.18	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Nam Trực	000.18.16.H40
14.19	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Nghĩa Hưng	000.19.16.H40
14.20	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Trực Ninh	000.20.16.H40
14.21	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Vụ Bản	000.21.16.H40
14.22	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Xuân Trường	000.22.16.H40
14.23	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Ý Yên	000.23.16.H40
14.24	TT Dân số - Kế hoạch hóa gia đình TP Nam Định	000.24.16.H40
14.25	Trung tâm Giám định Y khoa	000.25.16.H40
14.26	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	000.26.16.H40
14.27	Trung tâm Pháp y	000.27.16.H40
14.28	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	000.28.16.H40
14.29	Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	000.29.16.H40
14.30	Trung tâm y tế dự phòng	000.30.16.H40
14.31	Trung tâm y tế huyện Giao Thủy	000.31.16.H40
14.32	Trung tâm y tế huyện Hải Hậu	000.32.16.H40
14.33	Trung tâm y tế huyện Mỹ Lộc	000.33.16.H40

14.34	Trung tâm y tế huyện Nam Trực	000.34.16.H40
14.35	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Hưng	000.35.16.H40
14.36	Trung tâm y tế huyện Trực Ninh	000.36.16.H40
14.37	Trung tâm y tế huyện Vụ Bản	000.37.16.H40
14.38	Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	000.38.16.H40
14.39	Trung tâm y tế huyện Ý Yên	000.39.16.H40
14.40	Trung tâm y tế thành phố Nam Định	000.40.16.H40
14.41	Trường Trung cấp Y tế	000.41.16.H40
16	Văn phòng UBND tỉnh	
16.1	Ban Tiếp Công dân	000.01.18.H40
16.2	Nhà khách UBND tỉnh	000.02.18.H40
16.3	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp	000.03.18.H40



PHỤ LỤC III

DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH CÁC ĐƠN VỊ CẤP 3 THUỘC/TRỰC THUỘC UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số: 999/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Nam Định)

Stt	Tên đơn vị	Mã định danh
I	UBND Huyện Giao	
1	Đài Phát thanh	000.01.19.H40
2	Phòng Công thương	000.02.19.H40
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.03.19.H40
4	Phòng Lao động thương binh và xã hội	000.04.19.H40
5	Phòng Nội vụ	000.05.19.H40
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	000.06.19.H40
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.19.H40
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.19.H40
9	Phòng Tư pháp	000.09.19.H40
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.19.H40
11	Phòng Y tế	000.11.19.H40
12	Thanh tra huyện	000.12.19.H40
13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên	000.13.19.H40
14	Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao	000.14.19.H40
15	Văn phòng HĐND - UBND	000.15.19.H40
16	UBND Thị trấn Ngô Đồng	000.16.19.H40
17	UBND Thị trấn Quất Lâm	000.17.19.H40
18	UBND xã Bạch Long	000.18.19.H40
19	UBND xã Bình Hòa	000.19.19.H40
20	UBND xã Giao An	000.20.19.H40
21	UBND xã Giao Châu	000.21.19.H40
22	UBND xã Giao Hà	000.22.19.H40
23	UBND xã Giao Hải	000.23.19.H40

24	UBND xã Giao Hương	000.24.19.H40
25	UBND xã Giao Lạc	000.25.19.H40
26	UBND xã Giao Long	000.26.19.H40
27	UBND xã Giao Nhân	000.27.19.H40
24	UBND xã Giao Phong	000.28.19.H40
26	UBND xã Giao Tân	000.29.19.H40
30	UBND xã Giao Thanh	000.30.19.H40
31	UBND xã Giao Thiện	000.31.19.H40
32	UBND xã Giao Thịnh	000.32.19.H40
33	UBND xã Giao Tiến	000.33.19.H40
34	UBND xã Giao Xuân	000.34.19.H40
35	UBND xã Giao Yên	000.35.19.H40
36	UBND xã Hoàn Sơn	000.36.19.H40
37	UBND xã Hồng Thuận	000.37.19.H40
Các mã từ 000.38.19.H40 đến 000.99.19.H40 để dự phòng		
II	UBND huyện Hải Hậu	
1	Đài Phát thanh	000.01.20.H40
2	Phòng Công thương	000.02.20.H40
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.03.20.H40
4	Phòng Lao động thương binh và xã hội	000.04.20.H40
5	Phòng Nội vụ	000.05.20.H40
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	000.06.20.H40
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.20.H40
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.20.H40
9	Phòng Tư pháp	000.09.20.H40
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.20.H40
11	Phòng Y tế	000.11.20.H40
12	Thanh tra huyện	000.12.20.H40
13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên	000.13.20.H40

14	Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao	000.14.20.H40
15	Văn phòng HĐND - UBND	000.15.20.H40
16	UBND Thị trấn Cồn	000.16.20.H40
17	UBND Thị trấn Thịnh Long	000.17.20.H40
18	UBND Thị trấn Yên Định	000.18.20.H40
19	UBND xã Hải An	000.19.20.H40
20	UBND xã Hải Anh	000.20.20.H40
21	UBND xã Hải Bắc	000.21.20.H40
22	UBND xã Hải Châu	000.22.20.H40
23	UBND xã Hải Chính	000.23.20.H40
24	UBND xã Hải Cường	000.24.20.H40
25	UBND xã Hải Đông	000.25.20.H40
26	UBND xã Hải Đường	000.26.20.H40
27	UBND xã Hải Giang	000.27.20.H40
28	UBND xã Hải Hà	000.28.20.H40
29	UBND xã Hải Hòa	000.29.20.H40
30	UBND xã Hải Hưng	000.30.20.H40
31	UBND xã Hải Lộc	000.31.20.H40
32	UBND xã Hải Long	000.32.20.H40
33	UBND xã Hải Lý	000.33.20.H40
34	UBND xã Hải Minh	000.34.20.H40
35	UBND xã Hải Nam	000.35.20.H40
36	UBND xã Hải Ninh	000.36.20.H40
37	UBND xã Hải Phong	000.37.20.H40
38	UBND xã Hải Phú	000.38.20.H40
39	UBND xã Hải Phúc	000.39.20.H40
40	UBND xã Hải Phương	000.40.20.H40
41	UBND xã Hải Quang	000.41.20.H40
42	UBND xã Hải Sơn	000.42.20.H40

43	UBND xã Hải Tân	000.43.20.H40
44	UBND xã Hải Tây	000.44.20.H40
45	UBND xã Hải Thanh	000.45.20.H40
46	UBND xã Hải Toàn	000.46.20.H40
47	UBND xã Hải Triều	000.47.20.H40
48	UBND xã Hải Trung	000.48.20.H40
49	UBND xã Hải Vân	000.49.20.H40
50	UBND xã Hải Xuân	000.50.20.H40
Các mã từ 000.51.20.H40 đến 000.99.20.H40 để dự phòng		
III	UBND Huyện Mỹ Lộc	
1	Đài Phát thanh	000.01.21.H40
2	Phòng Công thương	000.02.21.H40
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.03.21.H40
4	Phòng Lao động thương binh và xã hội	000.04.21.H40
5	Phòng Nội vụ	000.05.21.H40
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	000.06.21.H40
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.21.H40
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.21.H40
9	Phòng Tư pháp	000.09.21.H40
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.21.H40
11	Phòng Y tế	000.11.21.H40
12	Thanh tra huyện	000.12.21.H40
13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên	000.13.21.H40
14	Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao	000.14.21.H40
15	Văn phòng HĐND - UBND	000.15.21.H40
16	Thị trấn Mỹ Lộc	000.16.21.H40
17	UBND Xã Mỹ Hà	000.17.21.H40
18	UBND Xã Mỹ Hưng	000.18.21.H40
19	UBND Xã Mỹ Phúc	000.19.21.H40

20	UBND Xã Mỹ Tân	000.20.21.H40
21	UBND Xã Mỹ Thắng	000.21.21.H40
22	UBND Xã Mỹ Thành	000.22.21.H40
23	UBND Xã Mỹ Thịnh	000.23.21.H40
24	UBND Xã Mỹ Thuận	000.24.21.H40
25	UBND Xã Mỹ Tiến	000.25.21.H40
26	UBND Xã Mỹ Trung	000.26.21.H40
Các mã từ 000.27.21.H40 đến 000.99.21.H40 để dự phòng		
IV	UBND huyện Nam Trực	
1	Đài Phát thanh	000.01.22.H40
2	Phòng Công thương	000.02.22.H40
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.03.22.H40
4	Phòng Lao động thương binh và xã hội	000.04.22.H40
5	Phòng Nội vụ	000.05.22.H40
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	000.06.22.H40
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.22.H40
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.22.H40
9	Phòng Tư pháp	000.09.22.H40
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.22.H40
11	Phòng Y tế	000.11.22.H40
12	Thanh tra huyện	000.12.22.H40
13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên	000.13.22.H40
14	Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao	000.14.22.H40
15	Văn phòng HĐND - UBND	000.15.22.H40
16	Thị trấn Nam Giang	000.16.22.H40
17	UBND Xã Bình Minh	000.17.22.H40
18	UBND Xã Điện Xá	000.18.22.H40
19	UBND Xã Đồng Sơn	000.19.22.H40
20	UBND Xã Hồng Quang	000.20.22.H40

21	UBND Xã Nam Cường	000.21.22.H40
22	UBND Xã Nam Dương	000.22.22.H40
23	UBND Xã Nam Hải	000.23.22.H40
24	UBND Xã Nam Hoa	000.24.22.H40
25	UBND Xã Nam Hồng	000.25.22.H40
26	UBND Xã Nam Hùng	000.26.22.H40
27	UBND Xã Nam Lợi	000.27.22.H40
28	UBND Xã Nam Mỹ	000.28.22.H40
29	UBND Xã Nam Thái	000.29.22.H40
30	UBND Xã Nam Thắng	000.30.22.H40
31	UBND Xã Nam Thanh	000.31.22.H40
32	UBND Xã Nam Tiến	000.32.22.H40
33	UBND Xã Nam Toàn	000.33.22.H40
34	UBND Xã Nghĩa An	000.34.22.H40
35	UBND Xã Tân Thịnh	000.35.22.H40
Các mã từ 000.36.22.H40 đến 000.99.22.H40 để dự phòng		
V	UBND Huyện Nghĩa Hưng	
1	Đài Phát thanh	000.01.23.H40
2	Phòng Công thương	000.02.23.H40
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.03.23.H40
4	Phòng Lao động thương binh và xã hội	000.04.23.H40
5	Phòng Nội vụ	000.05.23.H40
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	000.06.23.H40
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.23.H40
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.23.H40
9	Phòng Tư pháp	000.09.23.H40
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.23.H40
11	Phòng Y tế	000.11.23.H40
12	Thanh tra huyện	000.12.23.H40

13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên	000.13.23.H40
14	Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao	000.14.23.H40
15	Văn phòng HĐND - UBND	000.15.23.H40
16	Thị trấn Liễu Đề	000.16.23.H40
17	Thị trấn Quỹ Nhất	000.17.23.H40
18	Thị trấn Rạng Đông	000.18.23.H40
19	UBND Xã Hoàng Nam	000.19.23.H40
20	UBND Xã Nam Điền	000.20.23.H40
21	UBND Xã Nghĩa Bình	000.21.23.H40
22	UBND Xã Nghĩa Châu	000.22.23.H40
23	UBND Xã Nghĩa Đồng	000.23.23.H40
24	UBND Xã Nghĩa Hải	000.24.23.H40
25	UBND Xã Nghĩa Hồng	000.25.23.H40
26	UBND Xã Nghĩa Hùng	000.26.23.H40
27	UBND Xã Nghĩa Lạc	000.27.23.H40
28	UBND Xã Nghĩa Lâm	000.28.23.H40
29	UBND Xã Nghĩa Lợi	000.29.23.H40
30	UBND Xã Nghĩa Minh	000.30.23.H40
31	UBND Xã Nghĩa Phong	000.31.23.H40
32	UBND Xã Nghĩa Phú	000.32.23.H40
33	UBND Xã Nghĩa Phúc	000.33.23.H40
34	UBND Xã Nghĩa Sơn	000.34.23.H40
35	UBND Xã Nghĩa Tân	000.35.23.H40
36	UBND Xã Nghĩa Thái	000.36.23.H40
37	UBND Xã Nghĩa Thắng	000.37.23.H40
38	UBND Xã Nghĩa Thành	000.38.23.H40
39	UBND Xã Nghĩa Thịnh	000.39.23.H40
40	UBND Xã Nghĩa Trung	000.40.23.H40
Các mã từ 000.41.23.H40 đến 000.99.23.H40 để dự phòng		

VI	UBND thành phố Nam Định	
1	Đài Phát thanh	000.01.24.H40
2	Đội quản lý trật tự đô thị	000.02.24.H40
3	Ban Quản lý đầu tư xây dựng	000.03.24.H40
4	Ban QL khu di tích LSVH Đền Trần-Chùa Tháp	000.04.24.H40
5	Nhà văn hóa thiếu nhi	000.05.24.H40
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.06.24.H40
7	Phòng Kinh tế	000.07.24.H40
8	Phòng LĐTB và xã hội	000.08.24.H40
9	Phòng Nội vụ	000.09.24.H40
10	Phòng Quản lý đô thị	000.10.24.H40
11	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.11.24.H40
12	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.12.24.H40
13	Phòng Tư pháp	000.13.24.H40
14	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.14.24.H40
15	Phòng Y tế	000.15.24.H40
16	Thanh tra	000.16.24.H40
17	Trung tâm giới thiệu việc làm	000.17.24.H40
18	Trung tâm phát triển cụm công nghiệp	000.18.24.H40
19	Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao	000.19.24.H40
20	Văn phòng HĐND - UBND	000.20.24.H40
21	UBND phường Bà Triệu	000.21.24.H40
22	UBND phường Cửa Bắc	000.22.24.H40
23	UBND phường Cửa Nam	000.23.24.H40
24	UBND phường Hạ Long	000.24.24.H40
25	UBND phường Lộc Hạ	000.25.24.H40
26	UBND phường Lộc Vượng	000.26.24.H40
27	UBND phường Năng Tĩnh	000.27.24.H40
28	UBND phường Ngô Quyền	000.28.24.H40

29	UBND phường Nguyễn Du	000.29.24.H40
30	UBND phường Phan Đình Phùng	000.30.24.H40
31	UBND phường Quang Trung	000.31.24.H40
32	UBND phường Thống Nhất	000.32.24.H40
33	UBND phường Trần Đăng Ninh	000.33.24.H40
34	UBND phường Trần Hưng Đạo	000.34.24.H40
35	UBND phường Trần Quang Khải	000.35.24.H40
36	UBND phường Trần Tế Xương	000.36.24.H40
37	UBND phường Trường Thi	000.37.24.H40
38	UBND phường Văn Miếu	000.38.24.H40
39	UBND phường Vị Hoàng	000.39.24.H40
40	UBND phường Vị Xuyên	000.40.24.H40
41	UBND xã Lộc An	000.41.24.H40
42	UBND xã Lộc Hoà	000.42.24.H40
43	UBND xã Mỹ Xá	000.43.24.H40
44	UBND xã Nam Phong	000.44.24.H40
45	UBND xã Nam Vân	000.45.24.H40
Các mã từ 000.46.24.H40 đến 000.99.24.H40 để dự phòng		
VII	UBND huyện Trực Ninh	
1	Đài Phát thanh	000.01.25.H40
2	Phòng Công thương	000.02.25.H40
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.03.25.H40
4	Phòng Lao động thương binh và xã hội	000.04.25.H40
5	Phòng Nội vụ	000.05.25.H40
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	000.06.25.H40
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.25.H40
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.25.H40
9	Phòng Tư pháp	000.09.25.H40
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.25.H40
11	Phòng Y tế	000.11.25.H40

12	Thanh tra huyện	000.12.25.H40
13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên	000.13.25.H40
14	Trung tâm phát triển cụm công nghiệp	000.14.25.H40
15	Trung tâm Văn hóa, thể thao, du lịch	000.15.25.H40
16	Văn phòng HĐND - UBND	000.16.25.H40
17	Thị trấn Cát Thành	000.17.25.H40
18	Thị trấn Cổ Lễ	000.18.25.H40
19	Thị trấn Ninh Cường	000.19.25.H40
20	UBND Xã Liêm Hải	000.20.25.H40
21	UBND Xã Phương Định	000.21.25.H40
22	UBND Xã Trung Đông	000.22.25.H40
23	UBND Xã Việt Hùng	000.23.25.H40
24	UBND Xã Trục Chính	000.24.25.H40
25	UBND Xã Trục Cường	000.25.25.H40
26	UBND Xã Trục Đại	000.26.25.H40
27	UBND Xã Trục Đạo	000.27.25.H40
28	UBND Xã Trục Hùng	000.28.25.H40
29	UBND Xã Trục Hưng	000.29.25.H40
30	UBND Xã Trục Khang	000.30.25.H40
31	UBND Xã Trục Mỹ	000.31.25.H40
32	UBND Xã Trục Nội	000.32.25.H40
33	UBND Xã Trục Thái	000.33.25.H40
34	UBND Xã Trục Thắng	000.34.25.H40
35	UBND Xã Trục Thanh	000.35.25.H40
36	UBND Xã Trục Thuận	000.36.25.H40
37	UBND Xã Trục Tuấn	000.37.25.H40
Các mã từ 000.38.25.H40 đến 000.99.25.H40 để dự phòng		
VIII	UBND huyện Vụ Bản	
1	Đài Phát thanh	000.01.26.H40
2	Phòng Công thương	000.02.26.H40

3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.03.26.H40
4	Phòng Lao động thương binh và xã hội	000.04.26.H40
5	Phòng Nội vụ	000.05.26.H40
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	000.06.26.H40
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.26.H40
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.26.H40
9	Phòng Tư pháp	000.09.26.H40
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.26.H40
11	Phòng Y tế	000.11.26.H40
12	Thanh tra huyện	000.12.26.H40
13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên	000.13.26.H40
14	Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao	000.14.26.H40
15	Văn phòng HĐND - UBND	000.15.26.H40
16	UBND Thị trấn Gôi	000.16.26.H40
17	UBND Xã Cộng Hòa	000.17.26.H40
18	UBND Xã Đại An	000.18.26.H40
19	UBND Xã Đại Thắng	000.19.26.H40
20	UBND Xã Hiền Khánh	000.20.26.H40
21	UBND Xã Hợp Hưng	000.21.26.H40
22	UBND Xã Kim Thái	000.22.26.H40
23	UBND Xã Liên Bảo	000.23.26.H40
24	UBND Xã Liên Minh	000.24.26.H40
25	UBND Xã Minh Tân	000.25.26.H40
26	UBND Xã Minh Thuận	000.26.26.H40
27	UBND Xã Quang Trung	000.27.26.H40
28	UBND Xã Tam Thanh	000.28.26.H40
29	UBND Xã Tân Khánh	000.29.26.H40
30	UBND Xã Tân Thành	000.30.26.H40
31	UBND Xã Thành Lợi	000.31.26.H40
32	UBND Xã Trung Thành	000.32.26.H40

33	UBND Xã Vĩnh Hào	000.33.26.H40
Các mã từ 000.34.26.H40 đến 000.99.26.H40 để dự phòng		
IX	UBND huyện Xuân Trường	
1	Đài Phát thanh	000.01.27.H40
2	Phòng Công thương	000.02.27.H40
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.03.27.H40
4	Phòng Lao động thương binh và xã hội	000.04.27.H40
5	Phòng Nội vụ	000.05.27.H40
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	000.06.27.H40
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.27.H40
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.27.H40
9	Phòng Tư pháp	000.09.27.H40
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.27.H40
11	Phòng Y tế	000.11.27.H40
12	Thanh tra huyện	000.12.27.H40
13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên	000.13.27.H40
14	Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao	000.14.27.H40
15	Văn phòng HĐND - UBND	000.15.27.H40
16	UBND Thị trấn Xuân Trường	000.16.27.H40
17	UBND Xã Thọ Nghiệp	000.17.27.H40
18	UBND Xã Xuân Bắc	000.18.27.H40
19	UBND Xã Xuân Châu	000.19.27.H40
20	UBND Xã Xuân Đài	000.20.27.H40
21	UBND Xã Xuân Hòa	000.21.27.H40
22	UBND Xã Xuân Hồng	000.22.27.H40
23	UBND Xã Xuân Kiên	000.23.27.H40
24	UBND Xã Xuân Ngọc	000.24.27.H40
25	UBND Xã Xuân Ninh	000.25.27.H40
26	UBND Xã Xuân Phong	000.26.27.H40
27	UBND Xã Xuân Phú	000.27.27.H40

28	UBND Xã Xuân Phương	000.28.27.H40
29	UBND Xã Xuân Tân	000.29.27.H40
30	UBND Xã Xuân Thành	000.30.27.H40
31	UBND Xã Xuân Thượng	000.31.27.H40
32	UBND Xã Xuân Thủy	000.32.27.H40
33	UBND Xã Xuân Tiến	000.33.27.H40
34	UBND Xã Xuân Trung	000.34.27.H40
35	UBND Xã Xuân Vinh	000.35.27.H40
Các mã từ 000.36.27.H40 đến 000.99.27.H40 để dự phòng		
X	UBND Huyện Ý Yên	
1	Đài Phát thanh	000.01.28.H40
2	Phòng Công thương	000.02.28.H40
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	000.03.28.H40
4	Phòng Lao động thương binh và xã hội	000.04.28.H40
5	Phòng Nội vụ	000.05.28.H40
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	000.06.28.H40
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	000.07.28.H40
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	000.08.28.H40
9	Phòng Tư pháp	000.09.28.H40
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	000.10.28.H40
11	Phòng Y tế	000.11.28.H40
12	Thanh tra huyện	000.12.28.H40
13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên	000.13.28.H40
14	Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp	000.14.28.H40
15	Trung tâm Văn hóa, thông tin, thể thao	000.15.28.H40
16	Văn phòng HĐND - UBND	000.16.28.H40
17	UBND Thị trấn Lâm	000.17.28.H40
18	UBND Xã Yên Bằng	000.18.28.H40
19	UBND Xã Yên Bình	000.19.28.H40
20	UBND Xã Yên Chính	000.20.28.H40

21	UBND Xã Yên Cường	000.21.28.H40
22	UBND Xã Yên Đồng	000.22.28.H40
23	UBND Xã Yên Dương	000.23.28.H40
24	UBND Xã Yên Hồng	000.24.28.H40
25	UBND Xã Yên Hưng	000.25.28.H40
26	UBND Xã Yên Khang	000.26.28.H40
27	UBND Xã Yên Khánh	000.27.28.H40
28	UBND Xã Yên Lộc	000.28.28.H40
29	UBND Xã Yên Lợi	000.29.28.H40
30	UBND Xã Yên Lương	000.30.28.H40
31	UBND Xã Yên Minh	000.31.28.H40
32	UBND Xã Yên Mỹ	000.32.28.H40
33	UBND Xã Yên Nghĩa	000.33.28.H40
34	UBND Xã Yên Nhân	000.34.28.H40
35	UBND Xã Yên Ninh	000.35.28.H40
36	UBND Xã Yên Phong	000.36.28.H40
37	UBND Xã Yên Phú	000.37.28.H40
38	UBND Xã Yên Phúc	000.38.28.H40
39	UBND Xã Yên Phương	000.39.28.H40
40	UBND Xã Yên Quang	000.40.28.H40
41	UBND Xã Yên Tân	000.41.28.H40
42	UBND Xã Yên Thắng	000.42.28.H40
43	UBND Xã Yên Thành	000.43.28.H40
44	UBND Xã Yên Thọ	000.44.28.H40
45	UBND Xã Yên Tiến	000.45.28.H40
46	UBND Xã Yên Trị	000.46.28.H40
47	UBND Xã Yên Trung	000.47.28.H40
48	UBND Xã Yên Xá	000.48.28.H40
Các mã từ 000.49.28.H40 đến 000.99.28.H40 để dự phòng		